



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 108 + 109

Ngày 01 tháng 7 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

07-6-2023-	Quyết định số 2345/QĐ-UBND phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên môi trường điện tử giai đoạn 2023-2024 (đợt 2).	3
13-6-2023-	Quyết định số 2402/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực cán bộ, công chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.	16
14-6-2023-	Quyết định số 2439./QĐ-UBND v/v công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.	19

- 16-6-2023- Quyết định số 2475/QĐ-UBND ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025. 32
- 16-6-2023- Quyết định số 2476/QĐ-UBND ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025. 64

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2345/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính
đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến
trên môi trường điện tử giai đoạn 2023 - 2024 (đợt 2)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ

quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn Thành phố năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại Báo cáo số 5555/BC-VP ngày 07 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục

Quyết định này phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên môi trường điện tử áp dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023-2024 (đợt 2).

Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham mưu thực hiện quy trình tổ chức xây dựng và thực hiện giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Điều 23 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

- Rà soát, xây dựng Phương án đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ và các bộ phận cấu thành khác của thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá các nguồn dữ liệu đã có và mức độ sẵn sàng tích hợp, cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Xác định giải pháp nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp định danh, mức độ bảo đảm an toàn của các phương thức xác thực điện tử; giải pháp tích hợp, chia sẻ, khai thác thông tin với các nguồn dữ liệu, dịch vụ công có liên quan và các giải pháp kỹ thuật khác.

- Xây dựng quy trình điện tử, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về giao diện, truy cập, tương tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, lưu trữ, bảo mật theo quy định.

2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:

Phối hợp chặt chẽ trong thực hiện đơn giản hóa quy trình thủ tục; xây dựng quy trình điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức cấu hình, triển khai đầy đủ các thủ tục toàn trình, một phần được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/>.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình giai đoạn 2023 - 2024 (đợt 2)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2345/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<i>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</i>		
<i>Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác</i>		
1.	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	Sở Giáo dục và Đào tạo
3.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Sở Giáo dục và Đào tạo
<i>Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</i>		
4.	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Sở Giáo dục và Đào tạo
<i>Lĩnh vực Đào tạo với nước ngoài</i>		
5.	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Sở Giáo dục và Đào tạo
<i>Lĩnh vực Văn bằng, chứng chỉ</i>		
6.	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Sở Giáo dục và Đào tạo
7.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
8.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Sở Giáo dục và Đào tạo
<i>Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ</i>		
9.	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội cấp Tỉnh	Sở Nội vụ
10.	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội (cấp tỉnh)	Sở Nội vụ
<i>Lĩnh vực Thi đua - khen thưởng</i>		
11.	Thủ tục tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố về công trạng và thành tích trong thực hiện nhiệm vụ, công tác	Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố
12.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề	Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố
13.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất	Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố
14.	Thủ tục tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với công nhân, nông dân, người lao động	Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố
15.	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành tích dẫn đầu cụm, khối thi đua	Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố
16.	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề	Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố
17.	Thủ tục Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố
18.	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc	Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố
19.	Thủ tục tặng Cờ Truyền thống của Ủy ban nhân dân Thành phố	Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố
20.	Thủ tục tặng Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh	Ban Thi đua -

STT	Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
		Khen thưởng Thành phố
21.	Thủ tục gắn biển công trình chào mừng các ngày lễ lớn trên địa bàn Thành phố	Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố
22.	Thủ tục công nhận gương điển hình tiên tiến cấp Thành phố	Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố
<i>Lĩnh vực Đường bộ</i>		
23.	Thủ tục cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Sở Giao thông vận tải
24.	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Sở Giao thông vận tải
25.	Thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Sở Giao thông vận tải
26.	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	Sở Giao thông vận tải
27.	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	Sở Giao thông vận tải
28.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	Sở Giao thông vận tải
29.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu	Sở Giao thông vận tải

STT	Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
	hồi, bị tước quyền sử dụng	
30.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	Sở Giao thông vận tải
<i>Lĩnh vực Du lịch</i>		
31.	Cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	Sở Giao thông vận tải
32.	Cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	Sở Giao thông vận tải
<i>Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ</i>		
33.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
<i>Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng</i>		
34.	Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
35.	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
36.	Thủ tục Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
<i>Lĩnh vực Lao động</i>		
37.	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Ban Quản lý các Khu chế xuất - Khu công nghiệp
<i>Lĩnh vực Việc làm</i>		
38.	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Ban Quản lý các Khu chế xuất - Khu

STT	Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
		công nghiệp
39.	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Ban Quản lý các Khu chế xuất - Khu công nghiệp
40.	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Ban Quản lý các Khu chế xuất - Khu công nghiệp
<i>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</i>		
41.	Đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm	Ban Quản lý An toàn thực phẩm
42.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương (Trường hợp bị mất hoặc bị hỏng; thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh)	Ban Quản lý An toàn thực phẩm
<i>Thủ tục hành chính cấp huyện</i>		
<i>Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác</i>		
1.	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Phòng Giáo dục và Đào tạo
<i>Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</i>		
2.	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Phòng Giáo dục và Đào tạo
3.	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Phòng Giáo dục và Đào tạo
<i>Lĩnh vực Văn bằng, chứng chỉ</i>		

STT	Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
4.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Phòng Giáo dục và Đào tạo
5.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Phòng Giáo dục và Đào tạo
<i>Lĩnh vực Giáo dục mầm non</i>		
6.	Thủ tục thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	UBND cấp huyện
7.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	UBND cấp huyện
<i>Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ</i>		
8.	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội cấp huyện	UBND cấp huyện
<i>Lĩnh vực Thi đua - khen thưởng</i>		
9.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	UBND cấp huyện
10.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	UBND cấp huyện
11.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích đột xuất	UBND cấp huyện
12.	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	UBND cấp huyện
13.	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	UBND cấp huyện
14.	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	UBND cấp huyện
<i>Lĩnh vực Đường bộ</i>		
15.	Thủ tục cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	UBND cấp huyện
16.	Thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông	UBND cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
	đường bộ	
<i>Thủ tục hành chính cấp xã</i>		
<i>Lĩnh vực Thi đua - khen thưởng</i>		
1.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	UBND cấp xã
2.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	UBND cấp xã
3.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về thành tích đợt xuất	UBND cấp xã
4.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	UBND cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần giai đoạn 2023 - 2024 (đợt 2)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2345/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<i>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</i>		
<i>Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác</i>		
1.	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Sở Giáo dục và Đào tạo
<i>Lĩnh vực Giáo dục trung học</i>		
3.	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	Sở Giáo dục và Đào tạo
<i>Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ</i>		
4.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
<i>Lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân</i>		
5.	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	Sở Khoa học và Công nghệ
6.	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Sở Khoa học và Công nghệ
<i>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</i>		
7.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống	Ban Quản lý An toàn thực phẩm
8.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Ban Quản lý An toàn thực phẩm

STT	Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
		phẩm
9.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Ban Quản lý An toàn thực phẩm
10.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	Ban Quản lý An toàn thực phẩm
<i>Lĩnh vực Dược phẩm</i>		
11.	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Sở Y tế ¹
Thủ tục hành chính cấp huyện		
<i>Lĩnh vực Giáo dục mầm non</i>		
1.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Phòng Giáo dục và Đào tạo
<i>Lĩnh vực Giáo dục tiểu học</i>		
2.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	UBND cấp huyện
<i>Lĩnh vực Giáo dục trung học</i>		
3.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	UBND cấp huyện
4.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Phòng Giáo dục và Đào tạo
<i>Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</i>		
5.	Quy trình đánh giá, xếp loại Cộng đồng học tập cấp xã	UBND cấp huyện
Thủ tục hành chính cấp xã		
<i>Lĩnh vực Các cơ sở giáo dục khác</i>		
1.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	UBND cấp xã

¹ Thay thế STT 47 Phụ lục 2 kèm theo Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023

STT	Tên thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
2.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	UBND cấp xã
3.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	UBND cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2402/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực cán bộ, công chức
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2644/TTr-SNV ngày 01 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực cán bộ, công chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục hành chính có thứ tự D.I.4 và D.I.5 ban hành kèm theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực cán bộ, công chức, viên chức, chính quyền địa phương, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÁN BỘ,
CÔNG CHỨC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

Stt	Tên thủ tục hành chính	Quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ TTHC
	Lĩnh vực cán bộ, công chức	
1	Thủ tục công nhận phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính. - Nghị định số <u>92/2017/NĐ-CP</u> ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.
2	Thủ tục phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2439/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 3229/TTr-SCT ngày 07 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 03 thủ tục hành chính mới ban hành và 06 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục có số thứ tự: A.1.III.1, A.1.III.2, A.1.III.3, A.1.III.4, A.1.III.5, A.1.III.6 tại Quyết định số 4020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng, điện, hóa chất, lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HÓA CHẤT
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí thẩm định	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
I Lĩnh vực hóa chất (03 TTHC)							
1		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương	Tổ chức, cá nhân: 1.200.000 / Giấy chứng nhận	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số	Theo quy định tại điểm d, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP, trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, thời gian thực hiện là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Để thống nhất quy trình chung giải quyết

						113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.	các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất, đề xuất giữ nguyên quy trình và thời gian thực hiện (12 ngày làm việc), nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, phù hợp với thực tế và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.
2		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương	Tổ chức, cá nhân: 600.000/ Giấy chứng nhận	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi	

						<p>hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>	
3		<p>Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp</p>	<p>12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	Sở Công Thương	<p>Tổ chức, cá nhân: 600.000/ Giấy chứng nhận</p>	<p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi</p>	<p>Theo quy định tại điểm d, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP, trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, thời gian thực hiện là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Để thống</p>

					<p>hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>	<p>nhất quy trình chung giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất, đề xuất giữ nguyên quy trình và thời gian thực hiện (12 ngày làm việc), nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, phù hợp với thực tế và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.</p>
--	--	--	--	--	---	--

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí thẩm định	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
I	Lĩnh vực hóa chất (06 TTHC)						
1		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương	Tổ chức, cá nhân: 1.200.000/ Giấy chứng nhận	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày	Theo quy định tại điểm d, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP, trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất,

		trong lĩnh vực công nghiệp			<p>09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục</p>	<p>kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, thời gian thực hiện là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Để thống nhất quy trình chung giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất, đề xuất giữ nguyên quy trình và thời gian thực hiện (12 ngày làm việc), nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, phù hợp với thực tế và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.</p>
2		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	Tổ chức, cá nhân: 600.000/ Giấy chứng		

		chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	sơ hợp lệ.		nhận	hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.	
3		Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Tổ chức, cá nhân: 600.000/ Giấy chứng nhận		Theo quy định tại điểm d, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP, trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, thời gian thực hiện là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Để thống nhất quy trình chung giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất, đề xuất giữ nguyên quy trình và thời gian thực hiện (12

							ngày làm việc), nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, phù hợp với thực tế và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.
4		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương	Tổ chức, cá nhân: 1.200.000/ Giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy 	Theo quy định tại điểm d, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP, trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, thời gian thực hiện là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Để thống nhất quy trình chung giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất, đề

						<p>định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>	<p>xuất giữ nguyên quy trình và thời gian thực hiện (12 ngày làm việc), nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, phù hợp với thực tế và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.</p>
5		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương	Tổ chức, cá nhân: 600.000/ Giấy chứng nhận	- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định	

		công nghiệp			<p>chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa</p>	
--	--	-------------	--	--	---	--

						chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.	
6		Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Công Thương	Tổ chức, cá nhân: 600.000/ Giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 	Theo quy định tại điểm d, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP, trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, thời gian thực hiện là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Để thống nhất quy trình chung giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất, đề xuất giữ nguyên quy trình và thời gian thực hiện (12 ngày làm việc), nhằm rút ngắn thời

					<p>2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>	<p>gian giải quyết thủ tục hành chính, phù hợp với thực tế và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.</p>
--	--	--	--	--	--	---

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2475/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa
trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Kết luận số 548-KL/TU ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố giai đoạn 2021-2025; Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1450/TTr-SNN ngày 29 tháng 5 năm 2023 về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025; Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025; w kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Nhiệm vụ của các Sở, ngành, đơn vị liên quan

1. Ban hành hướng dẫn thực hiện cụ thể, thẩm tra đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Trong quá trình hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí tại Điều 1, nếu có vấn đề mới phát sinh, giao Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan kịp thời nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí, đảm bảo phù hợp với các Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và điều kiện thực tiễn trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

Phụ lục I
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GẮN VỚI ĐÔ THỊ HÓA
TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số 2475/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ hoặc thúc đẩy, dẫn dắt phát triển kinh tế nông thôn)	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Sở Quy hoạch - Kiến trúc
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Sở Quy hoạch - Kiến trúc

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Sở Quy hoạch - Kiến trúc
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiều sáng, cây xanh...) theo quy định	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		100%	Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng: hướng dẫn, đánh giá nội dung theo chức năng, nhiệm vụ của từng Sở
		2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp	Được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo ô tô	100%	100%	100%

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
				Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
			đi lại thuận tiện				
			Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		100%	Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng: hướng dẫn, đánh giá nội dung theo chức năng, nhiệm vụ của từng Sở
		2.3. Tỷ lệ đường hẻm, tổ được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm		≥90%	≥95%	100%	Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng: hướng dẫn, đánh giá nội dung theo chức năng, nhiệm vụ của từng Sở

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		100%	Sở Giao thông vận tải
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%	≥90%	≥90%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		100%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được duy tu, sửa chữa theo Kế hoạch hàng năm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		100%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		lợi				nông thôn
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Khá	Khá	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Công Thương
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	100%	100%	100%	Sở Công Thương
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở	Mức độ 3	Mức độ 3	Mức độ 3	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Mức độ 2	Mức độ 2	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.5. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.6. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Khá	Khá trở lên	Sở Giáo dục và Đào tạo

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		5.7. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng xã hội hóa, phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn hóa từng dân tộc, lứa tuổi của học sinh		Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của cộng đồng và đặc điểm văn hóa từng dân tộc		Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao
		6.2. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao
		6.3. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		giá trị đúng quy định				thao
		6.4. Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		≥80%	Sở Văn hóa và Thể thao
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Ban Quản lư An toàn thực phẩm Thành phố
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Bộ Thông tin và Truyền thông công bố chỉ tiêu cụ thể		Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		8.2. Có đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và hệ thống loa đến các ấp	Bộ Thông tin và Truyền thông công bố chỉ tiêu cụ thể		Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		8.3. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại	Bộ Thông tin và Truyền thông công bố chỉ tiêu		≥90%	Sở Thông tin

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
				Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		thông minh		cụ thể			và Truyền thông
		8.4. Có dịch vụ báo chí truyền thông		Bộ Thông tin và Truyền thông công bố chỉ tiêu cụ thể		Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		8.5. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới		Bộ Thông tin và Truyền thông công bố chỉ tiêu cụ thể		Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		8.6. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)		UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không	Không	Không	Sở Xây dựng
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		100%	Sở Xây dựng
10	Thu	Thu nhập	Nă	≥54	≥72	≥72	Cục

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
				Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
	nhập	bình quân đầu người (triệu đồng/người)	m 202 1				Thống kê Thành phố
			Nă m 202 2	≥58	≥76	≥76	
			Nă m 202 3	≥62	≥80	≥80	
			Nă m 202 4	≥66	≥84	≥84	
			Nă m 202 5	≥70	≥88	≥88	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo có chỉ số thiếu hụt về thu nhập thuộc tiêu chí thu nhập chuẩn nghèo Quốc gia giai đoạn 2021 - 2025)		0,3%	<0,3%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥80%	≥85%	≥85%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥30%	≥35%	≥35%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định hoặc có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	≥1	≥1	≥1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã Thành phố
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		≥1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		thời hạn				
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥1	≥1	≥1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		≥1	Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn và Sở Khoa học và Công nghệ
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		≥10%	Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Sở Du lịch
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		≥1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.9. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và	≥95%	≥95%	≥95%	Bảo hiểm Xã hội Thành phố

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		nữ)				
		14.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		14.3. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	≥90%	≥90%	Sở Y tế
		14.4. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥40%	≥40%	≥40%	Sở Y tế
		14.5. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥75%	≥90%	≥90%	Sở Y tế
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố
16	Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật	16.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		16.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Ban Tổ chức Thành ủy và Sở Nội vụ
		16.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Ban Dân vận Thành ủy
		16.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp
		16.5. Đảm bảo bình đẳng giới; phòng, chống bạo lực gia đình trên cơ sở	16.5. 1. Đảm bảo phòng chống	Đạt	Đạt	Đạt

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
				Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		giới; phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em trong gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương. Đảm bảo quyền lợi trẻ em được tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, đặc biệt quan tâm, cung cấp dịch vụ an sinh xã hội cho phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	bạo lực, xâm hại trẻ em trong gia đình, bảo vệ và hỗ trợ nhữn g người dễ bị tổn thươn g. Đảm bảo quyền lợi trẻ em được tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ				

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
				Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
			thuật, thể dục thể thao				
			16.5.2 . Đảm bảo bình đẳng giới, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Quan tâm, cung cấp dịch vụ an sinh xã hội cho phụ nữ và trẻ em			Đạt	Sở Lao động - Thương binh - Xã hội

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		có hoàn cảnh đặc biệt				
		16.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố
		16.7. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1	≥ 1	≥ 1	Sở Tư pháp
		16.8. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	Sở Tư pháp
		16.9. Tỷ lệ người	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	Sở Tư

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lư khi có yêu cầu				pháp
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.4. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không	≥90%	≥98%	≥98%	Sở Tài nguyên và Môi

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định				trường
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥40%	≥50%	≥50%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.6. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	≥50%	≥70%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.7. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.8. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	≥80%	≥80%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥85%	≥95%	≥95%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		17.10. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định; nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.11. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥5%	≥10%	≥10%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.12. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m ² /người	≥4m ² /ng ười	≥4m ² / người	Sở Xây dựng
		17.13. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥85%	≥90%	≥90%	Sở Tài nguyên và Môi trường
18	Chất lượng môi	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ	≥55%	≥65%	≥65%	Sở Xây dựng

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
	trường sống	hệ thống cấp nước tập trung				
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người /ngày đêm	≥60 lít	≥80 lít	≥80 lít	Sở Xây dựng
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥35%	≥40%	≥40%	Sở Xây dựng
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn và tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm	100%	100%	100%	Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Không	Không	Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		100%	Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		thực phẩm				
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥95%	100%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	100%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân; hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Bộ Tư lệnh Thành phố
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Công an Thành phố

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ		Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
			Chỉ tiêu chung	Vùng Đông Nam Bộ		
		lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả				

Phụ lục II
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
GẮN VỚI ĐÔ THỊ HÓA TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG NÔNG THÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số 2475/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

XÃ ĐẠT NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU GẮN VỚI ĐÔ THỊ HÓA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 PHẢI ĐẠT CÁC YÊU CẦU SAU:

1. Xã phải đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm.

3. Xã có ít nhất một trong các mô hình áp thông minh.

TT	Tên mô hình áp thông minh	Nội dung	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí
1	Mô hình về hạ tầng số	Có thành lập và triển khai các nhóm/tổ công nghệ số cộng đồng tương tác, tương trợ lẫn nhau trong ấp	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		Có hạ tầng Internet cáp quang và thông tin di động 3G/4G/5G bao phủ đến hộ gia đình	Đạt	
		100% nhà ở cá nhân, hộ gia đình trong ấp được gắn mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số.	Đạt	
2	Mô hình về xã hội số	Cán bộ áp có ứng dụng các nền tảng số để thông tin, tuyên truyền đến người dân trong ấp.	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		Trên 60% người sử dụng điện thoại	Đạt	

		thông minh được hướng dẫn, tập huấn, đào tạo các kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm, nền tảng số hỗ trợ cho việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin.		
		Trên 80% hộ sản xuất, kinh doanh được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, kỹ năng quảng bá, giới thiệu, kinh doanh, mua bán các sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, các nền tảng số (zalo, facebook, youtube,...), kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, thanh toán trực tuyến.	Đạt	
		Trên 50% người trưởng thành trong ấp có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin, học phí, khám chữa bệnh....	Đạt	
3	Mô hình về kinh tế số	Có ít nhất một mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các lĩnh vực như: an ninh trật tự, an toàn giao thông, sản xuất - kinh doanh, y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, năng lượng, chiếu sáng, môi trường, phát triển kinh tế - xã hội, phát triển thương hiệu, thị trường, truy xuất nguồn gốc sản phẩm...	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông

4. Xã đạt ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội, giai đoạn 2021 - 2025:

TT	Tên lĩnh vực nổi trội	Nội dung	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí
1	Sản xuất	1.1. Có mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ ít nhất 10% sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã với	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

		thời gian ổn định từ 02 năm trở lên		
		1.2. Có ít nhất 30% số hộ sản xuất nông nghiệp tham gia vào Hợp tác xã	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		1.3. Có mô hình sản xuất liên kết gắn với vùng nguyên liệu và được số hóa	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		1.4. Sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương có áp dụng thực hiện thương mại điện tử đối với các sản phẩm	≥ 2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Giáo dục - Y tế - Văn hóa	2.1. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được huy động đi học mẫu giáo	$\geq 90\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.2. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.3. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học	$\geq 95\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.4. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp	$\geq 95\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.5. Trạm y tế xã có khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Đạt	Sở Y tế
		2.6. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	97%	Bảo hiểm xã hội Thành phố
		2.7. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 92\%$	Sở Y tế
		2.8. Có mô hình hoạt động Văn hóa, thể thao tiêu biểu như: Hội thi, hội diễn, liên hoan Văn nghệ	Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao

		quần chúng; hội thi, thi đấu thể dục thể thao thu hút từ 60% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia		
		2.9. Tỷ lệ ấp có câu lạc bộ, đội, nhóm Văn hóa - Văn nghệ, thể dục thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả	100%	Sở Văn hóa và Thể thao
		2.10. Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận đạt danh hiệu Gia đình văn hóa	95%	Sở Văn hóa và Thể thao
3	Cảnh quan môi trường	3.1. Tất cả các khuôn viên trụ sở làm việc trên địa bàn xã (Ủy ban nhân dân xã, Ban nhân dân ấp, nhà Văn hóa, công viên,...) phải bố trí trồng cây xanh, hoa cây cảnh và đảm bảo cảnh quan môi trường luôn sáng, xanh, sạch, đẹp	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		3.2. Các điểm ô nhiễm môi trường tại địa phương được chuyển hóa thành các khu vực cảnh quan xanh, sạch, đẹp	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		3.3. Cảnh quan các tuyến đường trục chính của xã, ấp, tổ, hẻm đến khu dân cư luôn sáng, xanh, sạch đẹp, không có tình trạng vứt rác, xả nước thải bừa bãi; cống rãnh được khơi thông đảm bảo tiêu thoát nước tốt; tất cả các tuyến đường được giao cho các tổ chức đoàn thể, quần chúng nhân dân trong ấp quản lý, duy trì tổng vệ sinh chung trong ấp định kỳ tối thiểu 01 lần/tuần	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Chuyển đổi số	4.1. Về hạ tầng chính quyền số: - Xây dựng mô hình công sở số, trong đó ưu tiên hạ tầng phòng họp số kết hợp với thiết chế phòng điều hành số. - 100% dữ liệu quản lý của Ủy	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông

		ban nhân dân xã được số hóa trên môi trường mạng. - Có hệ thống truyền thanh thông minh		
		4.2. Về xã hội số: - Đơn vị cấp xã hoàn thành hệ thống trực tuyến cung cấp các dịch vụ thiết yếu. - Xã có hệ thống trực tuyến lấy ý kiến phản hồi về sự hài lòng của người dân/cộng đồng về chính quyền địa phương hoạt động có hiệu quả.	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố
		4.3. Về kinh tế số: - Đơn vị cấp xã hoàn thiện chuyển đổi số trong quản lý, giám sát và đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP - Đơn vị cấp xã có chương trình, kế hoạch hỗ trợ các sản phẩm chủ lực quảng bá, kết nối các sản phẩm chủ lực của xã qua kênh thương mại điện tử để phục vụ phát triển kinh tế địa phương	Đạt	Văn phòng Điều phối nông thôn mới Thành phố Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	An ninh trật tự	5.1. Tỷ lệ áp có mô hình bảo vệ an ninh trật tự và hoạt động hiệu quả.	100%	Công an Thành phố
		5.2. 100% các tuyến đường trực chính của xã, áp được lắp đặt camera an ninh và quản lý hiệu quả.	Đạt	Công an Thành phố
6	Du lịch nông thôn	6.1. Xã có công cụ số nhằm cung cấp thông tin, hình ảnh, quảng bá du lịch của địa phương	Đạt	Sở Du lịch
		6.2. Có mô hình du lịch/sản phẩm du lịch được số hóa và hoạt động hiệu quả	Đạt	Sở Du lịch

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2476/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Kết luận số 548-KL/TU ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025; Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1450/TTr-SNN ngày 29 tháng 5 năm 2023 về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025; Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025, ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Nhiệm vụ của các Sở, ngành, đơn vị liên quan

1. Ban hành hướng dẫn thực hiện cụ thể, thẩm định, công nhận đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Trong quá trình hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các Bộ tiêu chí tại Điều 1, nếu có vấn đề mới phát sinh, giao Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan kịp thời nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung các Bộ tiêu chí, đảm bảo phù hợp với các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và điều kiện thực tiễn trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
GẮN VỚI ĐÔ THỊ HÓA TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG NÔNG THÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

1. Có ít nhất 50% số xã trên địa bàn huyện đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao gắn với đô thị hóa trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Có 100% số thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh.

3. Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện đạt từ 95% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới nâng cao đạt từ 85% trở lên).

4. Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022	Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị phụ trách hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc vùng liên huyện được phê duyệt (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn)	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	Đạt	Sở Quy hoạch - Kiến trúc
		1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng đã được		≥ 1	Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Sở Xây

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022	Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị phụ trách hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
		phê duyệt			dụng
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa và được bảo trì hàng năm	Đạt	100%	Sở Giao thông vận tải
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo quy hoạch, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	100%	100%	Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng; hướng dẫn, đánh giá nội dung theo chức năng, nhiệm vụ của từng Sở
		2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên	Đạt	Đạt	Sở Giao thông vận tải
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch; các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022	Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị phụ trách hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
		liệu theo chuyên đổi số			
		3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Khá	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Điện	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan	Đạt	Đạt	Sở Công Thương
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	≥95%	Bảo hiểm Xã hội Thành phố
		5.2. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		5.3. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với xã	Đạt	Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao
		5.4. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao tại công viên, quảng trường, nơi công cộng.	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022	Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị phụ trách hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
		5.5. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả			Sở Văn hóa và Thể thao
		5.6. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Đạt	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.7. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục Thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 2	Cấp độ 2	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ	Đạt	Đạt	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố và Sở Công Thương
		6.2. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022	Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị phụ trách hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
		của huyện và được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến			nông thôn
		6.3. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		6.4. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 hoặc trung tâm Thương mại đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Đạt	Sở Công Thương
		6.5. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		6.6. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Đạt	Sở Du lịch
7	Môi trường	7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định	≥95%	≥95%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng	100%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022	Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị phụ trách hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
		các yêu cầu về bảo vệ môi trường			
		7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	≥80%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥70%	≥70%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	≥50%	≥50%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m ² /ngườ i	≥4m ² / ngườ i	Sở Xây dựng
		7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện	Đạt	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥85%	≥85%	Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022	Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị phụ trách hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
		7.9. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	≥ 01 mô hình	≥ 01 mô hình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		7.10. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.11. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Đạt	≥48%	Sở Xây dựng
		8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥80 lít	≥80 lít	Sở Xây dựng
		8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥40%	≥40%	Sở Xây dựng

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022	Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị phụ trách hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
		8.4. Có ít nhất 01 mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố
		8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	100%	100%	Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố
		8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện	Không	Không	Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố
		8.9. Có Kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022	Chỉ tiêu TP.HC M	Đơn vị phụ trách hướng dẫn, thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiêu chí, chỉ tiêu
		8.10. Có mô hình xã, ấp thông minh	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
9	Hệ thống chính trị - An ninh, trật tự - Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Ban Tổ chức Thành ủy và Sở Nội vụ
		9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	100%	Ban Dân vận Thành ủy
		9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Không	Không	Sở Nội vụ
		9.4. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt	Đạt	Sở Tư Pháp
		9.5. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao	Đạt	Đạt	Công an Thành phố
		9.6. Có dịch vụ công trực tuyến	Mức độ 4	Mức độ 4	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng